

Bản án số: 97/2021/DS-ST
Ngày: 28 - 4 -2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Do có mối quan hệ quen biết từ lâu nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H. có cho bà Nguyễn Thị X. vay tiền với số tiền tổng cộng là 750.000.000 (Bảy trăm năm mươi triệu đồng). Cụ thể:

Ngày 07/8/2017, bà H. cho bà Nguyễn Thị X. vay số tiền là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Các bên có công chứng hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng Quận 7 theo Hợp đồng công chứng số 013552, Quyền số 02.TP/CC-SCC/HĐGD. Thời hạn vay là 02 năm từ ngày 07/8/2017 đến ngày 07/8/2019, không lãi suất.

Ngày 31/10/2017, bà H. tiếp tục cho bà Nguyễn Thị X. vay số tiền là 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng). Các bên có công chứng công chứng hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng Quận 7 theo Hợp đồng công chứng số 015449, Quyền số 04.TP/CC-SCC/HĐGD. Thời hạn vay là 02 năm từ ngày 31/10/2017 đến ngày 31/10/2019, không lãi suất.

Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ, sau nhiều lần nhắc nhở, gọi điện thoại nhưng bà X. không thực hiện việc trả nợ cho bà H.. Nay bà H. yêu cầu Tòa án Quận 7 giải quyết buộc bà Nguyễn Thị X. trả lại số tiền gốc của hai hợp đồng vay trên là 750.000.000 (Bảy trăm năm mươi triệu đồng). Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H. không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bà H. cam kết đây là nợ cá nhân giữa bà và bà Nguyễn Thị X. không liên quan đến bất kỳ ai.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X. đã được Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Tòa án cũng tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 nhưng bà Nguyễn Thị X. vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Sau khi nghe kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu quan điểm;

Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án;

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H. khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị X. trả lại số tiền gốc tổng cộng theo Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Quận 7 công chứng số 013552 ngày 07/8/2017 và Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Gia Định công chứng số 015449 ngày 31/10/2017 là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Theo kết quả xác minh của Công an phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Nguyễn Thị X., sinh năm 1955 có cư trú tại địa chỉ số 739/54B đường S, phường H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đến tháng 03/2019, chuyển đi nơi khác không rõ địa chỉ. Nguyên đơn bà H. đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn bà Nguyễn Thị X.. Nay bà X. vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn, cơ quan có thẩm quyền quản lý cư trú biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H. có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị X. đã được tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bà Nguyễn Thị X. đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên bà X. phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về nội dung tranh chấp của các đương sự:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H. yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị X. phải trả lại tổng số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng). Trả ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Theo lời trình bày của bà H. thì do có mối quan hệ quen biết nên bà đã cho bà H. vay số tiền tổng cộng là 750.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

Ngày 07/8/2017, bà Nguyễn Thị Thanh H. cho bà Nguyễn Thị X. vay số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Quận 7 công chứng số 013552 ngày 07/8/2017. Thời hạn vay là 02 năm từ ngày 07/8/2017 đến ngày 07/8/2019. Hợp đồng vay không tính lãi.

Ngày 31/10/2017, bà Nguyễn Thị Thanh H. tiếp tục cho bà Nguyễn Thị X. vay số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Quận 7 công chứng số 015449 ngày 31/10/2017. Thời hạn vay là 02 năm từ ngày 31/10/2017 đến ngày 31/10/2019. Hợp đồng vay không tính lãi.

Xét Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Quận 7 công chứng số 013552 ngày 07/8/2017 và Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Quận 7 công chứng số 015449 ngày 31/10/2017 phù hợp về chủ thể ký kết, nội dung và hình thức hợp đồng theo quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 nên buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận Hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị X. đã nhận đủ tiền nhưng không trả nợ đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Quận 7 công chứng số 013552 ngày 07/8/2017 và Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Gia Định công chứng số 015449 ngày 31/10/2017. Cụ thể, bị đơn đã không trả bất kỳ khoản tiền nào cho nguyên đơn dù thời hạn thanh toán quy định tại các hợp đồng cho vay trên đã hết hạn. Do đó, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H. yêu cầu bị đơn bà X. phải trả số tiền nợ gốc là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Tất cả trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn không trái quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện nên Tòa án không xét đến.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H. không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại bà Nguyễn Thị Thanh H. số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0035435 ngày 04/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh và 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0041864 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh H., bà Nguyễn Thị X. có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H. và bị đơn bà Nguyễn Thị X..

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H..

2.1 Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị X. phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H. số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

2.2 Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thanh H. có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị X. còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị X. phải chịu 34.000.000 đồng (Ba mươi tư triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H. không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại bà Nguyễn Thị Thanh H. số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0035435 ngày 04/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh và 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0041864 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

4 Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H.; Bị đơn bà Nguyễn Thị X. có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (TK. Sang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn H. Phúc

